

Vài Nét Về Quá Trình Dân Chủ Hóa ở Đài Loan

Nguyễn Huy Vũ

(Singapore)

Nguyễn Minh Thọ

(Leuven, Bỉ)

*Bài viết tham gia Hội Thảo Hè 2006 lần thứ chín,
Berkeley, California, USA, 28 – 29 tháng 7, 2006*

(Bản 1, 25-07-2006)

Cuối năm 1949, sau khi thua trận hoàn toàn ở Trung hoa lục địa, Tưởng Giới Thạch (TGT), cùng với tàn quân Quốc Dân Đảng (QDD), đã quyết định chiếm đảo Đài Loan (ĐL) làm cứ điểm với lý do “ĐL là một phần Trung Quốc”, để chờ thời cơ giành lại chính quyền [1]. Khi triệt thoái ra ĐL, TGT chỉ đem theo những người được coi là trung thành nhất trong bộ máy trung ương của QDD. Song nhờ sự bảo vệ quân sự và hỗ trợ kinh tế ồ ạt của Mỹ (với Hạm đội 7 án ngữ eo biển ĐL), TGT đã nhanh chóng áp đặt bộ máy chính quyền QDD lên đảo, thiết lập một chế độ độc tài cá nhân, độc đảng và cai trị đảo với bàn tay sắt [2].

Sau 40 năm, từ một hòn đảo khá nghèo nàn, lạc hậu, ĐL đã tiến lên phát triển trở thành một “con rồng châu Á” về kinh tế. Về chính trị, tháng 3/2000, QDD thua phiếu trong cuộc bầu cử tổng thống, mở đầu cho một quá trình dân chủ hóa. Trong số các sự kiện đáng kể trên thế giới trong thập niên cuối của thế kỷ 20, quá trình dân chủ hóa ở ĐL được ghi nhận như một trong những trường hợp thành công nhất. Việc chuyển một đất nước từ một nền chính trị độc tài, một đảng sang một nền chế độ đa đảng ở ĐL đã không xảy ra những xáo trộn về kinh tế và xã hội nào đáng kể, khi so sánh với nhiều nước khác. Tuy nhiên, một cuộc chuyển đổi cho dù là thành công nhất vẫn để lại những hệ quả và có nhiều hạn chế của nó. Các hệ quả này được tạo ra bởi nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Quá trình dân chủ hóa của ĐL đã gặp phải những thách thức không nhỏ, và ngày nay, sau hơn một thập niên, ĐL vẫn còn phải đối mặt với nhiều vấn đề nhằm duy trì một chính quyền hiệu quả và dân chủ. Phần dưới đây chỉ là một số ghi nhận tản mạn, dựa trên những kinh nghiệm riêng tư của chúng tôi.

Một vài đặc tính của sự chuyển đổi ở Đài Loan:

Có nhiều nhân tố quan trọng dẫn đến cuộc chuyển đổi tương đối thành công ở ĐL, như người dân được làm quen với các giá trị dân chủ; kinh tế, xã hội phát triển dẫn đến sự xuất hiện tầng lớp trung lưu quan tâm đến dân chủ và tiến bộ xã hội, và một xã hội dân sự đủ trưởng thành để lấy trách nhiệm; tinh thần quốc gia sinh ra từ sự khác biệt văn hóa Đài Loan-Trung Quốc đại lục; áp lực quốc tế; một thể chế dân chủ đã được qui định trong hiến pháp; sự xuất hiện một lực lượng chính trị khác từ quần chúng, ôn hòa đấu tranh bất bạo động, và vài ba người lãnh đạo biết và dám lấy quyết định v..v.

(1) Trước hết, đây không phải là một cuộc cách mạng, mà chỉ là một cuộc chuyển đổi trong khuôn khổ luật pháp hiện hành, ôn hòa và bình thường (trong lịch sử, một cuộc cách mạng xảy ra trong tình trạng bạo lực lan tràn và tình trạng bạo lực này tái diễn đều đặn, thì khả năng cho việc xây dựng một thể chế dân chủ khó xảy ra hơn! Những cuộc cách mạng (hay thay đổi chính quyền) diễn ra trong bạo lực thường dẫn đến sự tiếp tục của một nền độc tài này sang một nền độc tài khác [3,4]).

(2) Dân chủ cũng khó phát triển nếu ở đó người dân chưa từng quen với các khái niệm về dân chủ. Thực tế đã cho thấy nền dân chủ phát triển tốt nhất ở những nước đã có ít nhiều kinh nghiệm về dân chủ chính trị, hoặc đã cố gắng để có một nền dân chủ (dù bị thất bại).

Nhìn lại ĐL, các khái niệm về dân chủ đã được đưa ra trong chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Trung Sơn (dân tộc - dân quyền – dân sinh), từ hơn thế kỷ qua. Sau khi Nhật rút khỏi ĐL, chính quyền QĐĐ, dù chuyên chính, song vì ý thức hệ của họ là học thuyết Tam Dân, đã phải phổ cập tư tưởng này (dù chỉ là tuyên truyền...). Các đề xuất của Tôn Trung Sơn như quyền giám sát chính trị, một hệ thống chính trị dân chủ cho Trung quốc... được ít nhiều giới thiệu đến. Trong giai đoạn chiến tranh lạnh trên thế giới, điềm ý thức hệ chính của QĐĐ để biện minh cho sự có mặt của Cộng hòa Trung quốc là ĐL là một nước dân chủ!

Để giữ chính quyền, QĐĐ làm hai việc ngược nhau. Trong khung cảnh của cuộc chiến tranh Quốc-Cộng kéo dài, trên phương diện ngoại giao, QĐĐ ra sức quảng bá ra thế giới về một nước Trung quốc tự do (“a Free China”) với đại diện chính thức là Quốc Dân Đảng, chứ không phải là Đảng Cộng sản TQ. Trong khi đó, trên đất nước của họ, QĐĐ tìm cách duy trì nền độc tài, lấy cơ chủ nghĩa quốc gia đứng trên dân chủ, và đang ở trong tình trạng chiến tranh, thuyết phục người dân là một ngày nào đó khi quay trở lại Đại lục thì sẽ thực hiện tất cả các quyền về dân chủ như trong học thuyết Tam Dân. Nhưng kể từ khi Đảng Cộng sản TQ và nước Cộng hòa nhân dân Trung hoa ngày càng nâng dần uy tín trên chính trường thế giới, nhất là sau cuộc bắt tay Mao-Nixon (1972), thì triển vọng quay lại nắm quyền ở đại lục của QĐĐ ngày càng mong manh. Những lời bào chữa nhằm trì hoãn thực hiện dân chủ ngày càng trở nên lố bịch. Uy tín và tính chính đáng của QĐĐ với thế giới lúc này chỉ còn là sự thực thi cam kết dân chủ. Đó cũng là cơ sở để dân chúng chỉ trích QĐĐ. Các nhân vật hoạt động chống chính quyền QĐĐ ngày càng được sự ủng hộ của cư dân ĐL (85% dân ĐL là những cư dân đã sống ở đảo trước khi có sự hiện diện của lực lượng QĐĐ). Họ muốn có một ảnh hưởng chính trị cũng như sự tham gia trong chính quyền tương ứng tỉ lệ với dân số của họ. Điều này dễ hiểu, vì đại đa số các nhân viên trong chính quyền QĐĐ là dân đến từ đại lục.

(3) Chế độ TGT quan tâm đến giáo dục ngay khi đến ĐL. Họ xây dựng được một hệ thống giáo dục cơ bản có chất lượng, có tuyển chọn nghiêm túc trong việc đưa sinh viên ra nước ngoài du học (chủ yếu là Bắc Mỹ). ĐL luôn giữ liên lạc với bên ngoài và tiếp cận với tiến bộ.

Nhờ nhiều yếu tố trong và ngoài (một đề tài khác, không thể nêu ở đây), nền kinh tế ĐL đã phát triển mạnh và liên tục từ 1950 cho đến thập niên 1980, và tạo ra những thay đổi lớn trong xã hội. Trong suốt thời kỳ này, tốc độ tăng trưởng kinh tế của ĐL vào khoảng 9.2 % mỗi năm. Sự phát triển này đã tạo ra một tầng lớp trung lưu đủ mạnh về vốn liếng, kỹ năng, kinh nghiệm và quan hệ quốc tế để có thể tham gia một cách tích cực hơn vào hệ thống chính trị [5]. Nhất là đã có sự hình thành thế hệ trẻ, có học vấn cao, có

quan tâm đến đất nước và nhất là ý thức về ĐL như một quốc gia cho một tương lai chung cho những người sống trên đảo [6].

Bên cạnh đó, sự phát triển kinh tế cũng đã dẫn đến những đòi hỏi và yêu cầu mới trong đời sống của thị dân các thành phố lớn, dần dần vượt quá tầm kiểm soát của QĐĐ [7].

(4) Ý thức về ĐL như một quốc gia, nơi mọi người dân cùng hướng về một tương lai chung cho hòn đảo ngày càng rõ nét. Ý thức quốc gia này mới chỉ bắt đầu hình thành ở ĐL trong khoảng hơn 40 năm. Khái niệm một Trung Quốc, bao gồm Đài Loan, Trung hoa lục địa, HongKong, Macao, dần dần trở nên lỗi thời. Điều này dễ hiểu vì đa số, khoảng 85%, dân số Đài Loan là dân bản địa [1]. Khác với Hong Kong hay Macao, họ hầu như không có, hoặc có rất ít mối quan hệ với đại lục. Chỉ có các thành viên trong chính quyền QĐĐ mới có nhiều mối quan hệ với đại lục (xem thêm vài nét về lịch sử trong phần ghi chú [8]).

Chính nhờ tinh thần dân tộc/quốc gia này mà Đảng Dân chủ Tiến bộ (DPP) – một đảng dựa trên tinh thần quốc gia, chủ trương độc lập với Trung quốc đại lục, được giới tri thức xây dựng, và được xem như là tổ chức chính trị của người ĐL – đã có thể thắng QĐĐ trong cuộc bỏ phiếu chọn tổng thống tháng 3 năm 2000 [9].

(5) Một nhân tố quan trọng khác là sự tồn tại khá lâu của một cơ sở pháp lý cho một thể chế dân chủ. Hiến pháp của Cộng hòa Trung quốc (ROC), được ban hành vào ngày 1/1/1947 và có hiệu lực từ ngày 25/12/1947, cơ bản là một bản hiến pháp tiến bộ. Hiến pháp này nhằm thiết lập một hệ thống phân quyền rõ rệt, và dựa trên quyền đa số. Người dân có quyền bỏ phiếu phổ thông để chọn lựa người lãnh đạo quốc gia. QĐĐ hoàn thực hiện quyền này với biện minh là quốc gia đang ở trong tình trạng khẩn cấp (điều đáng nói là họ áp dụng những việc này nhân danh hiến pháp để củng cố vị trí độc quyền lãnh đạo [10]).

Để bù lại phần nào, QĐĐ tổ chức những cuộc bầu cử địa phương, và đã giúp cho người dân ĐL làm quen với hoạt động thực thi dân chủ, với việc chọn lựa ứng cử viên. Đồng thời, nó cũng giúp cho những ứng cử viên chuyên nghiệp hóa các hoạt động vận động tranh cử. Khi dân chủ trực tiếp ngày càng mở rộng và các chức vụ được bầu chọn ngày càng quan trọng, những kinh nghiệm này đã giúp các đảng chính trị làm quen với các cuộc bầu cử cấp cao hơn.

(6) Áp lực của thế giới cũng có những tác động. Từ 1950 cho đến thập niên 1970, cộng đồng thế giới bắt đầu nhìn nhận Cộng hòa nhân dân Trung hoa (PRC) như một thành viên. Điều này đã bào mòn hình ảnh xem Cộng hòa Trung quốc do QĐĐ, như một đại diện hợp pháp cho toàn Trung quốc. Do đó, nhằm duy trì sự hỗ trợ quốc tế, QĐĐ phải cố phát ngôn cờ Trung quốc tự do (“a Free China”). Trong thời gian chiến tranh lạnh, QĐĐ có thể tồn tại dưới chiêu bài này. Nhưng ngày càng không thuyết phục khi mà nhìn vào ĐL vẫn chỉ là một nước độc tài, độc đảng, dùng chính quyền quân sự và đàn áp đối lập. QĐĐ luôn bị áp lực trở về với lý tưởng chính trị dân chủ của Tôn Dật Tiên!

Tháng 12 năm 1978, chính phủ Carter quyết định là Hoa Kỳ từ nay sẽ không còn công nhận Cộng hòa Trung quốc (ROC) là một chính phủ hợp pháp đại diện cho Trung quốc nữa. Thay vào đó, là sự công nhận Cộng Hòa nhân dân Trung hoa (PRC). Hoa Kỳ cũng sẽ chấm dứt các cuộc tiếp xúc chính thức với chính quyền ĐL, và rút hết quân khỏi đảo.

Phản ứng lại các áp lực này, những người lãnh đạo QĐĐ, đặc biệt là Tưởng Kinh Quốc [11] đã chọn giải pháp thay đổi để tồn tại. Người kế nhiệm của Tưởng Kinh Quốc – Lý Đăng Huy [12] – đã đi xa hơn, rất mạnh dạn hợp tác với phong trào bên ngoài nhằm chống lại những phần tử bảo thủ trong chính quyền QĐĐ, để thay đổi. Kết quả là một loạt các quyết định, luật pháp, được đưa ra nhằm dẫn tới một xã hội bình thường (việc cho phép xuất bản tư nhân, báo chí tư nhân,.. là một quyết định chính trị rất khó khăn, song Lý Đăng Huy đã khôn khéo thực hiện [13], Điều này nói lên vai trò quan trọng của người lãnh đạo, biết và dám lấy những quyết định cần thiết và kịp thời).

(7) Khi cầm quyền, dù độc tài song QĐĐ có cơ sở nhất định trong dân chúng [14]. Từ đó QĐĐ sẽ có thể trở lại cầm quyền trong tương lai. Quá trình dân chủ hóa sẽ khó hơn nếu thiếu một lực lượng đối trọng, độc lập với đảng cầm quyền và có hậu thuẫn trong dân (ngoài việc cần có nhân sự đứng đắn, có chương trình hành động, và có tổ chức để sẵn sàng nhận lãnh trách nhiệm lãnh đạo đất nước) [15]. Sự ra đời của đảng Dân Chủ Tiến Bộ (DPP) vào năm 1986 đã góp phần thúc đẩy cao trào thay đổi [16] (song điểm yếu của ĐDCTB là do giới trí thức, sinh viên... lập ra, và hậu thuẫn trong giới bình dân không cao).

Một Vài Nhận Xét:

Như nói ở trên, quá trình thay đổi ở ĐL được đánh giá là một trong những cuộc chuyển đổi thành công. Bên cạnh những tác động tích cực, hệ thống chính trị của nước này vẫn còn nhiều tồn đọng.

(a) (theo tự điển bách khoa) một chế độ dân chủ là một chế độ chính trị mà quyền thay đổi, chính trị và luật pháp, cũng như cơ cấu chính quyền, thuộc về người dân. Một xã hội dân chủ được đánh giá và nhìn nhận ở hai điều: sự cạnh tranh (tương đối) bình đẳng về chính trị và quyền con người được bảo đảm. Nhìn lại, hai điều này đang được thực thi ở ĐL ngày nay (hoạt động các đảng phái như thế nào là một vấn đề khác). Người dân ĐL ngày nay được tự do lập hội, được tự do báo chí, ngôn luận, tự do ứng cử, bầu cử, đi lại, làm ăn.... Nếu so với thời kì “khủng bố trắng”, trong thập niên 1950-1960, thậm chí các cuộc đàn áp trong thập niên 1980, thì đây rõ ràng là một sự tiến bộ vượt bậc.

(b) Có nhận định rằng thay đổi ở ĐL là một quá trình xuất phát từ bên dưới, không phải chính quyền QĐĐ tự nguyện dân chủ hóa đất nước. Ý kiến đó đúng, nhưng chưa đủ. Thời nào cũng vậy, một đất nước muốn chuyển đổi được êm thấm và ổn định đòi hỏi một sự đồng thuận lớn từ phía người dân và giới cầm quyền. Tuy nhiên, vai trò của những người lãnh đạo cũng quan trọng. Tưởng Kinh Quốc và Lý Đăng Huy, đã đóng một vai trò không nhỏ khi họ lấy các quyết định mà cuối cùng đã làm được chuyển tiếp được ĐL một cách hợp pháp, ôn hòa và không xáo trộn (nhìn lại lịch sử ĐL, thấy sự nói lỏng kiểm soát chính trị dần dần dưới thời Tưởng Kinh Quốc so với thời kỳ Tưởng Giới Thạch. Có thể gọi đây là quá trình dân chủ hóa từ từ, có kiểm soát và ổn định. Và Lý Đăng Huy là người đã dám lấy những quyết định táo bạo để mở một trang sử mới. Chính vì điều này mà, trái hẳn với TGT, Tưởng Kinh Quốc vẫn còn một chỗ đứng trong lòng người dân ĐL).

(c) Quá trình thay đổi ôn hòa đã tạo nhiều điều kiện cho nhiều thành phần dân tộc, trước đây đứng bên lề, có điều kiện tham gia cống hiến vào quá trình xây dựng, có vị trí trong xã hội, và sẵn sàng bảo vệ nó. Đặc biệt là giới trí thức gốc ĐL sống và làm việc ở nước ngoài (không bàn đến giới thương nhân). Từ những năm đầu 1990, họ lần lượt trở về ĐL. Một dẫn chứng điển hình là Yuan Tseh Lee [17] – người đoạt giải Nobel 1986 Hóa học – trở về và kéo theo nhiều trí thức, nhà khoa học, học giả khác, nhất là giới khoa học còn trẻ. Điều này giúp giảm bớt quá trình chảy máu chất xám, thực sự “đi tắt đón đầu” trong một số ngành, và đóng góp một cách đáng kể vào sự phát triển lâu dài về khoa học, văn hóa và tri thức. Hàng loạt trường đại học, viện, trung tâm nghiên cứu hàng đầu đã được nâng cấp và ra đời, với sự tham gia của giới này, giúp đưa nền khoa học, kỹ thuật của ĐL lên một tầm cao mới.

(d) Tự do hoạt động chính trị là một yếu tố trong một xã hội dân chủ, nơi mà người dân dùng quyền của mình để bầu chọn chính quyền không bị cưỡng chế, đe dọa. Ngược lại, chính quyền được chọn cần có đủ (ngoài khả năng) quyền lực để thực hiện các chính sách nhằm đáp ứng các nguyện vọng của người dân. Tuy nhiên, tinh thần phân tranh đảng phái quá cao (do lịch sử tranh chấp để lại), dẫn đến sự thường thất bại trong thương lượng và thỏa hiệp, đã khiến chính phủ không thể có những giải pháp triệt để cả phải có trong các vấn đề khó khăn, thậm chí dẫn đến khủng hoảng.

(e) Một điểm mang tính hệ thống nữa của chính quyền ĐL là sự yếu kém của cơ quan lập pháp (The Legislative Yuan). Cơ quan lập pháp hiện nay là kế thừa của cơ quan lập pháp có từ chế độ độc tài. Chưa có một sự đoạn tuyệt với cơ quan lập pháp dưới chế độ độc tài. Để ưu tiên cho quá trình dân chủ hóa các cơ quan lập pháp đã bị làm yếu đi. Kết quả là nó đã không có đủ nhân lực và quyền lực để thực hiện công việc lập pháp. Quốc hội ĐL, trước (các bộ lão QĐĐ từ lục địa) và nay (đám cơ hội mới), luôn là một cơ quan ăn bám và đám chính trị gia cố chiếm lấy một cái ghế trong đó chỉ vì quyền lợi và danh xưng. Từ xưa đến nay, cơ quan này chưa có một ảnh hưởng lớn nào lên các chính sách của chính phủ, và không làm được vai trò đối trọng (check and balance) của mình.

(f) Chất lượng của cơ quan hành chính của ĐL vẫn còn thấp (quan liêu, trì trệ). Việc này trở nên bức xúc bởi vì đảng DCTB không thực hiện được một sự thay đổi hay cải cách mạnh mẽ nào ở hệ thống hành chính, bộ máy tư pháp. Bộ máy chính quyền địa phương vẫn là bộ máy QĐĐ. Thậm chí dân chúng không nghĩ phải thay đổi hệ thống hành chính để phù hợp hơn với một xã hội mới [18].

(g) Hàng mấy chục năm sống dưới chế độ độc tài đã làm cho người dân trở nên không quan tâm đến chính trị. Làn sóng gia nhập vào DPP sau khi đảng này thành công chỉ chứng tỏ thêm rằng nhiều đảng viên mới là các phần tử cơ hội và vụ lợi. Việc chuyển đổi nhanh đã cho phép giới cơ hội, thậm chí có vấn đề hình sự, thâm nhập vào chính quyền mới [19].

(h) Mặc dù còn nhiều điều còn phải làm để tiếp tục hoàn thiện nền dân chủ vẫn còn non trẻ, ĐL đã đi được một bước dài. Các đảng chính trị gia cần thêm thời gian để hoàn thiện hệ thống chính quyền và chính trị, nâng cao sự tinh tế trong thương thuyết, thỏa thuận và cách đối xử trong đời sống dân chủ, cũng như bản lĩnh chính trị.

ĐL là một minh chứng cho những khó khăn khi chuyển từ chế độ độc tài, và việc duy trì và cải tiến nền dân chủ còn non trẻ. Điều này sẽ dễ dàng hơn trong một đất nước đã có một xã hội dân sự trưởng thành. Bên cạnh một nước Trung Hoa ngày càng hùng mạnh, luôn luôn muốn sát nhập Đài Loan vào lãnh thổ của mình, ĐL không có nhiều thời gian và cơ hội để tự thay đổi (một mặt, dân muốn duy trì một chính quyền mạnh và tập trung để có những quyết sách mạnh mẽ, táo bạo và cấp thiết trong những tình huống khẩn cấp quốc gia; mặt khác, lại e sợ một chính quyền tập trung mạnh với tổng thống có nhiều quyền hành để đưa đất nước quay trở lại chế độ độc tài!).

Có nhiều ý kiến cho rằng dân chủ chỉ phù hợp với châu Âu và các giá trị phương Tây. Thậm chí, một số giới lãnh đạo ở châu Á hay rêu rao rằng châu Á có các “giá trị châu Á” và giá trị dân chủ theo kiểu phương Tây là không phù hợp. Hy vọng ĐL có thể là một minh chứng rằng nền dân chủ (chính trị) có thể được phát triển được một cách bình thường ở châu Á, và dân chủ không phải là độc quyền của riêng một nền văn hóa nào [20].

Singapore,
Leuven,
Tuscaloosa.
Tháng 7, 2006

Tài Liệu Tham Khảo và Ghi Chú.

[1] (a) Nguyễn Minh Thọ, “Quan hệ Trung quốc Mỹ và Đài Loan”, Hội Thảo Hè 2002, <http://hoithao.viet-studies.org/Hoithao2002.htm>.

(b) Wi-vun Taiffalo Chiung, “*Oceanic Taiwan: History and Languages*”, National Cheng Kung University (2006). Một tài liệu “A, B, C... về ĐL”, dễ đọc, có bản tiếng Việt.

[2] Theo một tài liệu mới nhất của Quốc Hội Đài Loan (Executive Yuan of Taiwan), trong suốt thời kì “Khủng Bố Trắng” (White Terror), có khoảng 140.000 người Đài Loan đã bị bỏ tù, thậm chí bị xử bắn, chỉ vì có những hành động bị cho là đối lập với chính quyền QĐĐ của Tưởng Giới Thạch. Điều này đã để lại một nỗi căm hờn trong lòng nhiều người Đài Loan. Năm 1995, khi làm tổng thống, Lý Đăng Huy đã chính thức thay mặt QĐĐ xin lỗi dân ĐL.

[3] Guillermo O’Donnell, Philippe Schmitter, “*Transitions from Authoritarian Rule*”, Baltimore, Johns Hopkins University Press, 1986, trang 11. Trước khi xảy ra những biến cố ở Đông Âu, các tác giả đã cho rằng các cuộc cách mạng diễn ra thông qua các cuộc đảo chính hay diễn ra trong tình trạng bạo lực lan tràn và được lặp lại thì viễn cảnh cho một nền dân chủ rất mong manh.

[4] Cách đây một thế kỷ, G. B. Shaw cũng đã nói ý rằng những cuộc cách mạng thường chỉ chuyển chế độ hà khắc (tyranny) từ vai này qua vai kia của người dân!

[5] Larry Diamond, “*Economic Development and Democracy Reconsidered*”, American Behavioral Scientist, March/June 1992, trang 486: ở các quốc gia có sự phát triển kinh tế và xã hội mạnh mẽ, với sự xuất hiện một tầng lớp trung lưu, sẽ có nhiều cơ hội để chuyển đổi thành công sang một chế độ dân chủ hơn là đối với một nước nghèo đói chỉ có hai giai cấp: giàu và nghèo.

[6] Danwart Rustow, “*Transitions to Democracy: Toward a Dynamic Model*”, Comparative Politics, April 1970, trang 350. Tác giả cho rằng một đất nước với tinh thần dân tộc và đoàn kết cao sẽ chuyển đổi dân chủ tốt hơn là một đất nước thiếu các yếu tố này.

[7] Khi QĐĐ mất dần sự kiểm soát của họ trên đời sống chính trị và xã hội, lực lượng đối lập chính trị đã tạo áp lực lên đảng cầm quyền để tăng tốc quá trình dân chủ hóa. Phong trào bất đồng chính kiến của người dân bản địa bị đàn áp trong những năm 1960, đã tận dụng hết tất cả các cơ hội để mở rộng ảnh hưởng trong thập niên 1970 và 1980, quá trình này càng ngày càng đẩy QĐĐ đi vào hai chọn lựa chính: đàn áp để duy trì chế độ độc tài, hay thay đổi để duy trì chính quyền, uy tín và sự hỗ trợ của quốc tế. Những áp lực này đã tác động mạnh lên hình ảnh của QĐĐ trên trường quốc tế, dẫn đến sự phân hóa đảng cầm quyền thành hai phe: bảo thủ và đổi mới. Cho tới khoảng trước năm 1980, lực lượng của dân bản địa đã sẵn sàng để thành lập một đảng chính trị, thách thức QĐĐ ngay ở ĐL. Và năm 1986, đảng Dân Chủ Tiến Bộ (DPP) đã ra đời. Chưa tới một năm sau đó, Tưởng Kinh Quốc đã phải bãi bỏ lệnh thiết quân luật. Chính luật này đã cấm các hoạt động dân

sự tự do kể từ những năm 1940. Việc bãi bỏ này đã mở đường cho việc hợp pháp hóa các hoạt động chính trị.

[8] Đài Loan từ xưa đã lệ thuộc vào các thế lực bên ngoài. Đời nhà Minh (1368-1644) đã không coi Đài Loan như một vùng đất của họ. Khi Hà Lan chiếm đóng đảo Bành Hồ, một hòn đảo nhỏ nằm trên eo biển ĐL, nhà Minh đã lo sợ Hà Lan dùng Bành Hồ làm một bàn đạp để tấn công Trung Quốc Đại Lục nên đã đem hơn mười nghìn quân giao tranh với quân lính Hà Lan. Sau một vài tháng tranh giành, cuối cùng hòa đàm diễn ra với điều kiện: thứ nhất, binh lính Hà Lan rút khỏi Bành Hồ, vì Bành Hồ được coi là lãnh thổ của Trung Quốc, đổi lại Hà Lan được buôn bán tại Trung Quốc Đại Lục; thứ hai, nếu Hà Lan chiếm ĐL thì nhà Minh sẽ không can thiệp, vì ĐL không phải là lãnh thổ của Trung Quốc. Do vậy, vào năm 1624, Hà Lan từ bỏ Bành Hồ và chiếm miền Nam ĐL. Đến năm 1661, Trịnh Thành Công - một viên tướng trong phong trào “phản Thanh phục Minh”, bị thất thủ ở Đại Lục chạy ra miền Nam ĐL và hất cẳng Hà Lan để lập ra chính quyền của mình. Năm 1642 thì miền Bắc ĐL cũng bắt đầu nằm dưới sự chiếm đóng của Tây Ban Nha. Nhà Thanh sợ Trịnh Thành Công nuôi dưỡng lực lượng mạnh rồi sẽ tấn công nhà Thanh, nên mục đích chính của chính quyền nhà Thanh khi quyết định tấn công ĐL là triệt hạ quân của Trịnh Thành Công, chứ không phải để chiếm lại ĐL với tư cách Đài Loan là lãnh thổ của Trung Quốc. Năm 1683, Thi Lang - tướng của nhà Thanh - đánh bại Trịnh Thành Công. Triều đình nhà Thanh muốn rút toàn bộ quân ra khỏi đảo nhưng Thi Lang phản đối. Sau một vài cuộc tranh luận cuối cùng ĐL được sáp nhập vào tỉnh Phúc Kiến với tư cách là một phủ. Năm 1895, Đài Loan và Bành Hồ được nhượng cho Nhật Bản trong hiệp ước Mã Quan. Sau đó, có thêm một cuộc tranh luận rằng giữ hay bán ĐL dưới quyền cai trị của Nhật Bản. Mọi thủ tục sắp được thông qua để bán cho Pháp, nhưng cuối cùng cuộc mua bán đã không xảy ra. Cuối thế chiến thứ hai (1945), quân đội Nhật đầu hàng quân Đồng minh, QĐĐ đã tiếp quản Đài Loan với tư cách là quân Đồng minh theo hiệp định số 1 (2/9/1945). Trong khi đó, tại Trung Quốc Đại Lục, Quốc Dân Đảng đang giao tranh với Đảng Cộng sản Trung Quốc. Quân đội của QĐĐ bị đánh bại hoàn toàn và bị truy lung ráo riết. Lúc đó, vị thế quốc gia của ĐL sẽ phải phụ thuộc vào một hiệp ước hòa bình giữa các quốc gia tham chiến. Tuy nhiên, do thất bại tại Trung Quốc, QĐĐ đã quyết định chiếm ĐL làm cứ điểm với lí do “Đài Loan là một phần Trung Quốc để chờ thời cơ giành lại độc lập.

Tất cả các sự kiện lịch sử xảy ra trên hoàn toàn không có sự tham gia của một người dân địa phương ĐL nào. Trước khi có sự chiếm đóng của Hà Lan, ĐL chỉ là một xã hội bộ tộc. Sau khi người Hán di cư ồ ạt, ĐL trở thành một xã hội di cư. Tuy nhiên, dưới thời nhà Thanh, ĐL chuyển từ xã hội di cư sang xã hội bản xứ qua quá trình bản xứ hóa. Những người di cư đến ĐL bắt đầu định cư ở đó và phân biệt họ với người sống ở Trung Quốc. Vào cuối đời nhà Thanh, người ĐL đã dần ý thức về “tiền dân tộc Đài Loan”, theo thuật ngữ của các nhà nghiên cứu sử. Dưới sự chiếm đóng của Nhật Bản, ý thức dân tộc dần rõ nét hơn, ý thức quốc gia cũng được nhắc đến. Điển hình là tổ chức Tân Dân Hội, một tổ chức của thanh niên ĐL, thành lập năm 1920 với mục đích “thúc đẩy cải cách chính trị nhằm đem lại hạnh phúc, ấm no cho người Đài Loan”. Khi QĐĐ đến chiếm đóng, đã xảy ra hàng loạt cuộc “tắm máu” và khủng bố trắng. Một trong những nguyên nhân quan trọng của nó là sự khác biệt văn hóa của dân địa phương và đại lục nhập cư. Dần dần, dưới chế độ QĐĐ, các chính sách giáo dục đã cố gắng đồng hóa người ĐL với người

Hán. Tuy nhiên, cùng với dân trí ngày càng cao và nền văn hóa khác biệt, ý thức của người dân về một quốc gia cùng với tương lai chung ngày càng tăng. Điển hình là các phong trào biểu tình của thập niên 1980 đòi một chương trình giáo dục đa ngôn ngữ - tiếng mẹ đẻ phải được dạy bên cạnh tiếng Hoa; cùng những phong trào phục hồi văn hóa bản địa, như phong trào “Văn Đài”- thúc đẩy và chuẩn hóa chữ viết địa phương để phát triển nền văn học bằng tiếng mẹ đẻ.

[9] Lý Đăng Huy – cựu tổng thống QDD gốc người ĐL – được cho là đã ủng hộ ngầm Đảng Dân Chủ Tiến Bộ (DPP) bằng cách cố ý “chia phiếu” QDD trong cuộc tuyển cử năm 2000. Thay vì, đề xuất James Soong làm ứng cử viên QDD - một người gốc đại lục - thì ông ủng hộ Liên Chiến, khiến James Soong phải ra khỏi QDD để tranh cử độc lập. Và cuối cùng trong cuộc tranh cử tay ba, Trần Thủy Biển của đảng DPP đã giành thắng lợi với số phiếu 39%. Trong cuộc bầu cử tháng 3/2004, Trần Thủy Biển thắng Liên Chiến (nay được sự ủng hộ của James Soong) với tỷ lệ 50.1% - 49.9%. Với những sự kiện chưa sáng tỏ trong những ngày cuối của cuộc bầu cử, giả thuyết về ‘gian lận bầu cử’ đã được đặt ra!

[10] Trong khi đó, từ những năm 1940, chính quyền thuộc địa đã phải cho phép cư dân địa phương được quyền chọn lãnh đạo địa phương. Kể từ cuối thập niên 1960, và tăng tốc cho đến thập niên 1970 và 1980, QDD cũng đã phải liên tục chấp nhận cho cư dân ĐL được phép bầu chọn lãnh đạo cấp quốc gia một cách giới hạn. Theo cùng thời gian, việc bổ sung những lãnh đạo mới đã gia tăng mức tác động lên chính đảng cầm quyền. Trong năm 1947, quốc hội của Cộng hòa Trung quốc được thành lập. Sau khi thất bại vào năm 1949, khi QDD rút quân ra ĐL, họ đã đưa toàn bộ chính quyền trung ương theo. Quốc hội này được giữ nguyên với hi vọng sẽ bầu cử lại một khi QDD quay trở lại đại lục. Theo thời gian, sự lão hóa của lớp nghị sĩ này đã dẫn đến những cuộc bầu cử bổ sung 3 năm một lần nhằm bổ sung cho những ghế nghị sĩ đã về hưu.

Cho đến những năm 1990, thì những cuộc bầu cử để chọn những nghị sĩ bổ sung cho quốc hội được xem như là một cuộn thăm dò dân ý. Bởi vì kết quả của các cuộc bầu cử địa phương và bầu cử quốc hội bổ sung không thể thay đổi vị trí lãnh đạo của QDD. Vì vậy, khi đi bầu cử, người dân tự do bày tỏ mong muốn của mình thông qua lá phiếu mà không sợ có một sự thay đổi hay xáo trộn nào về kinh tế hay xã hội vì đảng cầm quyền sẽ không đổi. Trong nhiều trường hợp, người dân xem bỏ phiếu như là một hình thức ủng hộ cho thay đổi bằng cách họ bầu cho những ứng viên không QDD. Những cuộc “trung cầu dân ý” kiểu này đóng vai trò như một công cụ thăm dò thường xuyên những mối quan tâm của người dân. Nó cũng là nơi để những lực lượng chính trị khác tận dụng để mở rộng ảnh hưởng của mình.

[11] **Tưởng Kinh Quốc** (TKQ, 27/4/1910 - 13/1/1988) là con trai của Tưởng Giới Thạch và Mao Fumei. Ông sinh ra tại Fenghua, Zhejiang. Năm 1925, ông đã xin cha tới Liên Xô để tự nguyện học về chủ nghĩa cộng sản. Tại Moscow, ông là một sinh viên rất say mê với chủ nghĩa cộng sản, đặc biệt là sách vở của Trotsky. Ông đã từng nộp đơn gia nhập Đảng cộng sản Liên Xô, nhưng bị từ chối. Tháng 4 năm 1927, TGT thanh lọc tiêu diệt những người tả khuynh và những người cộng sản, đồng thời đuổi các cố vấn Liên xô. TKQ đã viết một bài xã luận chỉ trích gay gắt hành động của cha mình. Sau đó, chính quyền Liên

xô gửi ông đến làm việc tại một nhà máy sản xuất thép ở Siberia, nơi đây ông gặp Faina Ipatyevna Vakhreva - một người phụ nữ gốc Nga. Họ cưới nhau năm 1935 và có bốn con. Năm 1937, TKQ trở về Trung quốc sau 12 năm cùng với vợ con. Trong suốt thời gian nội chiến, ông giữ chức thị trưởng Thượng Hải với nhiệm vụ giải quyết tham nhũng và giảm lạm phát. Sau khi ra ĐL, từ 1950 đến 1965, ông được TGT bổ nhiệm chỉ huy lực lượng cảnh sát mật - “Blue Shirts”. Trong quãng thời gian 1955 đến 1960, ông đóng vai trò giám sát dự án xây dựng đường cao tốc. Năm 1965, ông được cất nhắc lên bộ trưởng quốc phòng. Từ năm 1969 đến 1972, ông là phó thủ tướng và giữ chức thủ tướng kể từ năm 1972 đến 1978. Trong những năm cuối đời, TGT ngày càng trao nhiều quyền hơn cho con mình. Năm 1975, khi TGT qua đời, ông lên lãnh đạo QĐĐ. TKQ chính thức trở thành tổng thống năm 1978. Trong những năm đầu cầm quyền, ông đã duy trì nhiều chính sách chuyên chính do cha ông để lại, tiếp tục dùng thiết quân luật để cai trị. Ông khởi động “Mười bốn dự án xây dựng chính”, và “Mười dự án xây dựng chính và mười hai dự án phát triển mới”, đóng góp vào “sự phát triển thần kỳ” (Taiwan miracle) của ĐL. Các nỗ lực của ông đã giúp cho ĐL đạt được tốc độ tăng trưởng 13%, thu nhập đầu người \$4600 và trở thành nước có dự trữ ngoại tệ lớn thứ hai thế giới.

Trong suốt thời gian cầm quyền, ông đã quyết định nói lỏng dần việc kiểm soát chính trị. Các lực lượng đối lập sau này không còn bị bắt, cấm cản khi tổ chức các buổi họp mặt hay xuất bản báo chí. Các đảng đối lập, mặc dầu là bất hợp pháp, đã được “cho phép” thành lập. Năm 1986, khi DPP tuyên bố thành lập, ông đã quyết định chống lại việc giả tán hay bắt giữ các lãnh tụ. Năm 1987, ông dỡ bỏ thiết quân luật và cho phép các chuyên viên thăm gia đình tới đại lục. Ông đã bổ nhiệm Lý Đăng Huy làm chủ tịch QĐĐ và chỉ định Lý Đăng Huy làm tổng thống kế nhiệm, chấm dứt chế độ cha truyền con nối. Năm 1988, TKQ qua đời do bệnh xuất huyết và suy tim.

[12] Lý Đăng Huy, sinh 15/1/1923 tại Sanchih-gần Đài Bắc-khi ĐL còn là một phần của Nhật Bản. Lớn lên dưới sự quản lý của người Nhật, Lý đã nảy sinh những mối thiện cảm với người Nhật. Sau khi tốt nghiệp phổ thông với bằng danh dự, ông là một trong bốn sinh viên được cấp học bổng để theo học tại Kyoto Imperial University, Nhật Bản.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Lý vào đại học quốc gia ĐL (National Taiwan University), và tốt nghiệp năm 1948 với bằng cử nhân về nông nghiệp. Tháng 11/1946, ông gia nhập đảng cộng sản Trung Quốc nhưng đã bỏ đi sau hai năm. Trong thời gian này, ông đã tham gia vào cuộc xung đột 28/2 (February 28 Incident).

Năm 1953, Lý nhận bằng Master về kinh tế nông nghiệp (agricultural economics) của Iowa State University. Sau đó, Lý quay trở về Đài Loan và làm việc như một kinh tế gia cho Ủy Ban Hợp tác tái thiết nông thôn - một ủy ban được hỗ trợ bởi Hoa Kỳ - nhằm hiện đại hóa hệ thống nông nghiệp và cải cách đất đai. Giữa năm 1960, ông đã quay trở lại Hoa Kỳ để học và tốt nghiệp tiến sĩ ở Cornell University vào năm 1968.

Sau khi trở về ĐL, Lý tham gia QĐĐ, và được bổ nhiệm chức vụ bộ trưởng phụ trách về nông nghiệp. Năm 1978, là thị trưởng Đài Bắc, ông đã giải quyết được các vấn đề về thiếu nước và xây dựng hệ thống phân phối nước. Năm 1981, ông trở thành tỉnh trưởng tỉnh Đài Bắc và tiếp tục công việc cải thiện hệ thống phân phối nước.

Là một nhà kỹ trị, Lý nhanh chóng nhận được sự đề ý của Tưởng Kinh Quốc. Trong nỗ lực trao quyền nhiều hơn cho người bản địa, Tưởng Kinh Quốc đã đề cử Lý vào chức phó tổng thống vào năm 1984. Năm 1988, khi Tưởng Kinh Quốc qua đời, Lý kế nhiệm chức tổng thống với sự hậu thuẫn của James Soong. Năm 1991, Lý buộc các thành viên

quốc hội từ đại lục phải từ chức và các cuộc tuyển cử được tiến hành nhằm trao nhiều quyền hơn cho người bản địa.

Năm 1995, Lý viếng thăm đại học Cornell và đã tạo nên cuộc khủng hoảng eo biển Đài Loan lần thứ ba (Third Taiwan Strait Crisis)!. Ngày 18/3/2000, Trần Thủy Biên của Đảng Dân Chủ Tiến Bộ (DPP) giành thắng lợi trong bầu cử tổng thống với 39% phiếu chấm dứt thời kì lãnh đạo của QDD. Lý bị tố cáo là ủng hộ James Soong cố ý “chia phiếu” của QDD. Những cuộc biểu tình trước trụ sở QDD ở Đài Bắc đã khiến Lý từ chức vào ngày 24/3/2000. Ông bị đùổi khỏi QDD cũng trong năm này, và lập ra một đảng mới. Xem: http://en.wikipedia.org/wiki/Lee_Teng-hui

[13] Sau khi Tưởng Kinh Quốc qua đời, nội bộ của QDD phân hóa rất mạnh. Trước đây, Lý Đãng Huy được sự nâng đỡ của Tưởng Kinh Quốc, nhưng Lý Đãng Huy, một người ĐL bản địa, không có được sự ủng hộ mạnh mẽ của QDD cho vị trí tổng thống. Nội bộ QDD phân rã, một bên là Lý Đãng Huy, phó tổng thống, dân Đài Loan bản địa, và một bên là Thủ tướng Hau Pei-Tsun.

Hiến pháp ban đầu của Cộng hòa Trung quốc là nhằm thiết lập một chế độ nghị viện hoặc bán nghị viện, cho phép bầu cử trực tiếp để chọn ra một cơ quan lập pháp chịu trách nhiệm các vấn đề đối nội. Một tổng thống được bầu ra không trực tiếp sẽ chỉ định thủ tướng và nội các chịu trách nhiệm về hành pháp. Hiến pháp cho tổng thống nắm quyền về đối ngoại và quốc phòng. Tổng thống bị chia quyền lực và phải thỏa thuận với thủ tướng. Để tăng cường quyền lực, Lý Đãng Huy đã cho sửa hiến pháp nhằm bầu chọn tổng thống trực tiếp. Bản hiến pháp mới chỉ là một sự chấp vá có động cơ và tính toán, không có một sự xem xét kĩ lưỡng nào. Song việc sửa hiến pháp để bầu chọn tổng thống trực tiếp được sự ủng hộ của các lực lượng ngoài QDD, đặc biệt là các lãnh đạo Đảng Dân Chủ Tiến Bộ (DPP). Họ tin rằng cơ hội tốt nhất để đạt được quyền lực là thắng cử trong một cuộc bầu cử tổng thống. Việc sửa đổi này nhằm tăng cường quyền lực của tổng thống và giảm vị trí của thủ tướng. Việc bầu cử tổng thống trực tiếp đã cho tổng thống nhiều uy tín và uy quyền hơn. Đặc biệt từ thời QDD, ảnh hưởng và quyền lực của tổng thống Tưởng Giới Thạch khiến cho người ta tin rằng chế độ chính trị của Đài Loan là chế độ tổng thống. Tuy nhiên, ở ĐL, tổng thống không có toàn quyền trong hành pháp cũng như trong lập pháp. Có sự chia sẻ quyền lực giữa tổng thống và thủ tướng. Sự thay đổi hiến pháp này đã làm mất cân bằng quyền lực của giữa hành pháp và lập pháp. Điển hình là tháng 5, 2000 phủ tổng thống thuộc về DPP, trong khi lập pháp lại thuộc về QDD. Kết quả là một chính quyền bị phân hóa trong các vấn đề quản trị đất nước (“cohabitation” như ở nước Pháp trong nhiều năm)

[14] Trong các thập niên dưới quyền Tưởng Giới Thạch, các chức vụ trong chính quyền phần lớn ưu tiên cho những người đến từ đại lục. Người dân bản địa Đài Loan được đối xử với một thái độ nghi ngờ. Dần dần khi nền kinh tế cất cánh, sự căng thẳng trong mối quan hệ giữa QDD và người bản địa đã dịu đi. Trở thành một đảng viên QDD giờ đây gắn liền với quyền lợi; nên về sau, đây là một lí do có nhiều người ĐL xin vào. Vào đầu những năm 50 (1949-1952), người có nguồn gốc đại lục chiếm 25% trong tổng số 8 triệu dân của Đài Loan. Sau đó, mặc dù có những thanh lọc nhằm loại ra những phân tử tham nhũng, sâu mọt trong QDD nhưng số đảng viên đã tăng lên gấp ba lần. Cứ 10 thành viên thì có gần 6 thành viên là người bản địa thuộc các sắc tộc khác nhau của ĐL, điều này bắt đầu một mặt làm tăng thêm sự ủng hộ chính trị cho QDD, mặt khác ĐL-hóa QDD.

[15] Cuối những năm 1960, tờ nguyệt báo “Apollo” khởi xướng cho phong trào tự do hóa và tây hóa đã có những đóng góp tích cực nhất định sau một thời gian các vấn đề về “tự do” bị “đóng băng” bởi cuộc “khủng bố trắng”. Tình hình trong nước thì kinh tế đã cất cánh, TGT ngày càng già và ngày càng không còn khả năng để điều khiển đất nước. Tình hình quốc tế, thì bắt đầu chuyển đổi. Nixon quyết định bắt đầu rút quân ra khỏi châu Á – Thái Bình Dương và Mỹ bắt đầu bắt tay công nhận Trung Quốc. Cuối năm 1971, Cộng Hòa Trung Quốc (ROC) bị loại khỏi Liên Hiệp Quốc đã cảnh tỉnh Tưởng Kinh Quốc. Khiến ông phải thực hiện cải cách để có thể bảo vệ đảo. Ý tưởng cải cách đã nhận được sự ủng hộ và hỗ trợ của thế hệ trí thức mới của Đài Loan, đa số đã du học ở. hóm trí thức này khoảng hơn 100 người, và tụ tập quanh tờ tạp chí (journal) chủ trương cải cách “Intellectual”. Các trí thức chủ trương cải cách này bắt đầu tham gia vào chính trường và tạo nên những ảnh hưởng chính trị bằng cách thắng trong các cuộc bầu cử. Dẫn đầu là Huang Hsin-liang, Kang Ning-hsiang và sau đó là Chang Chun-hung, Hsu Hsin-liang và nhiều người khác. Thịnh thoảng họ có các bài báo đăng tải hợp pháp và không hợp pháp. Dưới thiết quân luật, người dân không được xuất bản báo chí và lập đảng chính trị nhưng người dân được xuất bản tạp chí (journal). Do đó, sau thành công của “Intellectual” nhiều tạp chí lần lượt ra đời. Nổi bật nhất là sự nổi tiếng của tạp chí “Taiwan Political Review” ra đời vào giữa năm 1975. Tờ tạp chí này đã gây được tiếng vang lớn. Sau đó, vào tháng 12 nó đã bị cấm và một trong các biên tập viên bị kết án 10 năm tù. Sự kiện này đã đẩy những trí thức ngoài đảng (tangwai) xích lại gần nhau hơn và có tổ chức hơn. Sau cuộc bầu cử 1977, họ giành thêm vài ghế nữa trong quốc hội. Tháng 12/1978, họ chính thức thành lập “Taiwan Tangwai Election Support Group”.

Mặc dù có nhiều điều kiện thuận lợi hơn, vào những cuộc bầu cử địa phương cuối năm 1985 và đầu năm 1986, phong trào Tangwai cũng chỉ giành được một vị trí khá khiêm tốn trong hệ thống chính trị. Đến lúc này, các lãnh đạo của phong trào Tangwai mới bắt đầu chú trọng đến việc mở rộng tổ chức và thành lập những chi nhánh khắp nơi, cũng như là tổ chức hóa phong trào thành một đảng chính trị thực sự thay vì chỉ là một tổ chức với những liên kết lỏng lẻo. Đứng trước nguy cơ một đảng chính trị có tổ chức sắp sửa hình thành, QĐĐ vội nhờ một số nhân vật có uy tín như T’ao Pai-chuan - một trí thức và cựu nghị sĩ, cùng các giáo sư Hu Fu, Yang Kuo-shu và Li Hung-his của Đại Học Quốc Gia Đài Loan làm trung gian thương thảo với phong trào Tangwai. Trải qua nhiều cuộc thương thảo, QĐĐ đưa ra kế sách “cây gậy và củ cà rốt” nhằm ngăn chặn sự mở rộng của phong trào Tangwai. Có lúc thậm chí QĐĐ còn đe dọa đàn áp mạnh bằng cách dọa bắt giữ tất cả các lãnh đạo của phong trào.

Trong đợt thương thảo đầu tiên, cho đến ngày 10/5/1986, hai bên đồng ý với nhau rằng phong trào Tangwai giờ đây sẽ thành lập, lấy tên là “Tangwai Public Policy Research Association” và được phép thành lập các chi nhánh trên toàn quốc. Sau đó, QĐĐ, đề nghị tổ chức mới của phong trào tangwai phải đăng kí với chính quyền như một tổ chức xã hội hợp pháp dưới qui định của thiết quân luật. Các thành viên của phong trào tranh cãi rằng QĐĐ và hai đảng phụ là Youth Party và Democratic Socialist Party đã chưa bao giờ đăng kí do đó tổ chức Tangwai Public Policy Research Association – thực ra là một tổ chức chính trị - cũng không cần đăng kí. Cuộc tranh cãi vẫn chưa chấm dứt và đợt thương thảo lần hai đã không đưa lại kết quả gì đáng kể vì những bất đồng và nghi ngờ lẫn nhau.

Cuộc thương thảo lần ba dự kiến xảy ra vào ngày 6/6/1986. Tuy nhiên, trước ngày diễn ra thương thảo, tờ tạp chí P’eng-lai-tao (Paradise Island) tổ chức bởi Huang T’ien-

fu, Trần Thủy Biên và Li I-yang đã bị kiện về tội phỉ báng bởi lực lượng bảo thủ trong phủ tổng thống. Và cả ba người phải chịu án tù. Sự kiện này đã làm nổ ra hàng loạt cuộc biểu tình bày tỏ sự phẫn nộ của những người ủng hộ Tangwai. Nhóm đại diện thương thuyết của tangwai quyết định chấm dứt vô thời hạn cuộc thương thảo lần ba.

Vào tháng 6/1986, văn phòng phong trào Tangwai của Kang Ning-hsiang đã đưa ra một lộ trình cho dân chủ hóa: (1) thành lập đảng mới vào năm 1987; (2) bãi bỏ thiết quân luật vào năm 1988; (3) bầu cử toàn bộ quốc hội vào năm 1989; (4) bầu tổng thống trực tiếp vào năm 1990; và (5) tạo hiệp ước hòa bình với Trung Quốc vào năm 1991.

Ngày 18 tháng 7, QDD tuyên bố họ đã hết kiên nhẫn và nếu đại diện phong trào Tangwai không quay lại bàn đàm phán, họ sẽ tuyên bố phong trào Tangwai là bất hợp pháp và bị cấm. Sau đó, khi biết rằng QDD không sẵn sàng thỏa mãn các điều kiện, một nhóm trong phong trào tangwai đã đứng ra thành lập đảng mới. Ngày 9/8/1986 Kang Ning-Hsiang tập hợp một cuộc mít tinh lớn tuyên bố và giải thích nhu cầu thành lập một đảng chính trị mới. Sau đó, 28/8/1986, Hsieh Ch'ang-t'ing đề xuất tên là Democratic Progressive Party.

Tuy nhiên, các lực lượng bảo thủ trong QDD luôn tìm mọi cách ngăn chặn. Họ có mặt hầu hết ở các cơ quan cấp cao như bộ tư pháp, cơ quan trung ương QDD. Các lời đe dọa sẽ thực hiện các cuộc bắt giam nếu phong trào tangwai vi phạm thiết quân luật...

Tuy nhiên, dưới sự ủng hộ đông đảo của người dân, đặc biệt là tầng lớp sinh viên, các cuộc biểu tình liên tục nổ ra dưới sự dẫn dắt của các thành viên DPP đã tạo sức ép lên cơ quan trung ương của QDD để dẫn tới một cuộc hội thảo về các vấn đề quốc gia (National Affairs Conference) đưa đến việc sửa đổi hiến pháp và từng bước thực hiện các yêu sách dân chủ hóa đưa ra bởi các thành viên của phong trào Tangwai.

Một số người nhận xét rằng quá trình dân chủ hóa Đài Loan bắt nguồn từ thượng tầng, có nghĩa là giới lãnh đạo, mà đứng đầu là Tưởng Kinh Quốc, đã chủ trương cải cách, dân chủ hóa từng bước nhằm canh tân đất nước, thu phục nhân tâm trong nước và cố gắng nhận được sự ủng hộ quốc tế để tồn tại trước sự trỗi dậy và lớn mạnh của Trung quốc đại lục.

Tuy nhiên, một số người khác, đặc biệt là L.C. Chiou – một nhà chính trị học người ĐL – lại cho rằng quá trình dân chủ hóa được thúc đẩy bởi các yếu tố khách quan khác.

Một sự kiện đáng chú ý là vụ án Henry Liu – một người chỉ trích QDD nổi tiếng. Ông đã viết một cuốn sách chỉ trích tiểu sử của Tưởng Kinh Quốc và đã bị ám sát năm 1984 tại nhà ông ở California bởi những nhân viên mật vụ của cơ quan tình báo thuộc bộ quốc phòng ĐL. Điều này đã tạo nên một xicăngđan quốc tế ảnh hưởng nghiêm trọng đến hình ảnh một “Trung Quốc tự do”, QDD và TKQ và tác động tích cực lên quá trình dân chủ hóa.

Vào đầu năm 1985, Taipei Tenth Credit Cooperative, một trong những tổ chức tài chính lớn nhất Đài Loan, phá sản. Sự việc cho thấy được sự gian lận và tham nhũng liên quan đến những quan chức cao cấp của QDD, trong đó còn có dấu hiệu liên quan đến cả tổng bí thư QDD.

Đến giữa năm 1985, QDD ngày càng mất uy tín sau khi chính quyền đột xuất bắt giữ Li Ya-p'ing – một người sở hữu một trường cao đẳng tư thục ở Cao Hùng, Đài Loan và một tờ báo tiếng Hoa ở California. Vào lúc này, hình ảnh của QDD trên trường thế giới nổi lên như một chính thể độc tài ngày càng rõ nét.

[16] Theo thời gian, các nghị sĩ quốc hội ĐL dưới quyền điều khiển của QDD ngày càng lão hóa. Điều này đã dẫn đến những cuộc bầu cử bổ sung ba năm một lần. Những nghị sĩ

mới này, đa phần là người ĐL bản địa và không thuộc QĐĐ, chiếm một vị trí thiểu số trong quốc hội. Mặc dù vậy, họ đã dùng quốc hội như một diễn đàn để tranh luận và tranh đấu một cách ôn hòa với đảng cầm quyền. Sau đó, những nghị sĩ này đã liên kết lại và hình thành nên “phong trào đảng ngoại” (Tangwai movement). Phong trào này xuất hiện từ giữa thập niên 1970 đến thập niên 1980. Đến năm 1986 thì các thành viên của phong trào “đảng ngoại” đã chính thức thành lập Đảng Dân Chủ Tiến Bộ, đảng đối lập đầu tiên của ĐL. Sự thành lập đảng được coi như bất hợp pháp vào thời điểm này vì thiết quân luật vẫn còn duy trì. Tuy nhiên, Tưởng Kinh Quốc đã quyết định không có những hành động đàn áp. Sau đó chưa đầy một năm thì ông dẹp bỏ thiết quân luật, mở đường cho sự hình thành một xã hội mới. Đến năm 1992 quốc hội bầu cử tự do bởi chính người ĐL đã thay thế toàn bộ các nghị sĩ từ lục địa. Dù sự hình thành quốc hội mới này là một bước chuẩn bị cần thiết cho một cuộc chuyển tiếp, cơ quan này vẫn không làm được vai trò của mình. .

[17] Yuan Tseh Lee sinh ngày 19/11/1936 tại Hsinchu, ĐL. Cha là nghệ sĩ, mẹ là giáo viên. YT bắt đầu những năm học đầu đời khi ĐL còn dưới sự chiếm đóng của Nhật Bản. Bởi việc dội bom của quân đội Đồng Minh, chương trình giáo dục tiểu học của ông nhanh chóng bị gián đoạn không lâu sau đó, và việc học của ông chỉ được trở lại bình thường sau chiến tranh thế giới lần 2. Ông là một con “mọt sách” đọc các tác phẩm từ khoa học kỹ thuật, văn chương, cho đến khoa học xã hội. Tiểu sử của Marie Curie đã gây một ấn tượng mạnh cho ông từ khi ông còn trẻ. Cuộc sống đầy tình cảm, tận tụy với khoa học, lòng vị tha và lý tưởng của bà Curie đã hấp dẫn ông chọn con đường trở thành một nhà khoa học.

Năm 1955, ông chọn hóa học là môn chuyên ngành của ông. Lúc này, môi trường học thuật ở đây chưa được tốt lắm. Ông theo đuổi việc nghiên cứu sau đại học tại National Tsinghua University và 1962, YTL vào University of California, Berkeley.

Ông nhận vị trí assistant professor của James Frank Institute, University of Chicago năm 1968. Nơi đây, công việc nghiên cứu của ông ngày càng thành công. Năm 1974, ông quay lại Berkeley làm giáo sư hóa học và nghiên cứu chính của Lawrence Berkeley Laboratory. Cùng năm này ông nhận được quốc tịch Mỹ. Những năm 1980, thời gian đã chín mùi để cho phép ông đưa phương pháp “crossed molecular beams method” đi xa hơn. Năm 1986, cùng với John C. Polanyi và Dudley R. Herschbach, ông nhận giải Nobel về Hóa học cho những đóng góp cho “dynamics of chemical elementary processes”.

Sau khi về lại ĐL, Y. T. Lee có ảnh hưởng lớn trên chính quyền QĐĐ. Ông đã nhận chức giám đốc Academia Sinica kể từ năm 1994 (từ bỏ quốc tịch Mỹ để nhận trọng trách này). Ông đóng một vai trò quan trọng trong cuộc tuyên cử tổng thống năm 2000 khi công khai tuyên bố ủng hộ Trần Thủy Biên. Trần Thủy Biên dự định bổ nhiệm Lee vào chức thủ tướng, nhưng ông đã từ chối sau khi cân nhắc trong vài ngày, dưới áp lực lớn của giới trí thức, đại học!

Trong suốt nhiệm kỳ của mình, Y. T. Lee đã làm việc không mệt mỏi để giúp cải tổ hệ thống giáo dục trung tiểu học, thành lập những viện nghiên cứu mới, những trung tâm nghiên cứu khoa học cao cấp cho ĐL, cũng như thu hút, tuyển chọn và đào tạo nhiều chuyên gia hàng đầu cho Academic Sinica. Từ một cơ quan già cỗi, Academic Sinica trở thành một cơ quan nghiên cứu (và giáo dục - bắt đầu từ 2004) quốc gia, bao gồm 26 viện và 6 trung tâm nghiên cứu, có liên hệ chặt chẽ với các đại học nổi tiếng trong và ngoài ĐL. Giám đốc của HLV chịu trách nhiệm trực tiếp với tổng thống. YT Lee làm đại diện

cho tổng thống ĐL trong các cuộc họp thượng đỉnh APEC vào các năm 2002, 2003, 2004 ở Mexico, Thailand và Chile.

Nguồn: http://en.wikipedia.org/wiki/Yuan_T._Lee

[18] Những vấn đề như tài sản của riêng QĐĐ, mua phiếu trong bầu cử, hay việc “chung chi” hành chính ở các cấp địa phương trong việc cấp phép, thị thừ giấy tờ... một cách công khai, hay bán công khai, có khi là hợp pháp dưới thời độc tài, giờ đây đã bị coi là *tham nhũng*. Các chiến dịch vận động tranh cử của DPP nhấn mạnh vào vấn đề chống tham nhũng và tạo một chính phủ trong sạch hơn. Báo chí giờ đây đã được tự do để đưa tin và điều tra về tham nhũng. Kết quả là các vụ tham nhũng lớn ở cấp quốc gia đã lần lượt được đưa ra ánh sáng. Chính phủ QĐĐ – mà một thời được xem là tham nhũng – dưới chiến lược tấn công tham nhũng của DPP đã bị bắt buộc phải thay đổi. Một việc làm trọng trung đó là chấm dứt các hoạt động kinh tế và sung một phần tài sản của QĐĐ vào tài sản quốc gia. Bằng cách chỉ ra các sơ hở và cơ chế tham nhũng trong chính quyền, và đề xuất các giải pháp khác nhau, báo chí và đối lập đang đóng góp vào quá trình trong sạch hóa phần nào guồng máy chính quyền. Việc làm của đảng cầm quyền giờ đây được sự giám sát chặt chẽ hơn của xã hội.

[19] Người dân cũng đã quá quen với lối hành xử gia trưởng của chính quyền. Nhiều năm sống dưới chế độ độc tài, cùng với tư tưởng phong kiến phục tùng vua quan, đã khiến người dân trông chờ vào sự quan tâm, chăm sóc của chính quyền, trong khi họ lại không có hành động tương thích để xây dựng chính quyền. Một ví dụ điển hình là cuộc lây nhiễm SARS tràn vào Đài Loan năm 2003, người dân đòi chính quyền có giải pháp xử lý vấn đề nhưng họ lại từ chối những biện pháp kiểm dịch hay các phương pháp nhằm ngăn chặn dịch!

[20] Dân chủ cũng không làm hỗn loạn xã hội nếu ở đó có một hệ thống chính trị đủ chặt chẽ và hợp lý. Quá trình dân chủ chính trị góp phần lành mạnh hóa nền kinh tế. Nền kinh tế ĐL giờ đây có sự cạnh tranh theo luật pháp hơn!. Các công ty nhà nước dần dần mất độc quyền (hay cô phần hóa để phát triển). Sau 2000, kinh tế ĐL không hỗn loạn mà tăng trưởng (ngoại trừ năm 2001 do sự nợ xấu ngân hàng quá lớn + việc phối hợp quản lý chính sách tồi dở của nhóm quản trị mới dẫn đến cuộc suy thoái đầu tiên với tăng trưởng âm kể từ năm 1947. Song luận cứ cho rằng người chưa cầm quyền không có kiến thức quản lý đất nước và không thể lãnh đạo đất nước tốt hơn so với QĐĐ dày dạn kinh nghiệm đã trở thành lỗ bịch).

Đối với việc phát triển của một đất nước, tăng trưởng kinh tế không phải là điều duy nhất, dù là một phần quan trọng. Phát triển bao gồm sự tăng trưởng kinh tế, chất lượng đời sống, giữ gìn và bảo vệ môi trường, phát triển cả về chất và lượng các giá trị văn hóa và tinh thần, các sản phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học... Điều đó không ngược lại với một xã hội khi chính quyền luôn chịu sự giám sát của xã hội, kể cả việc bảo đảm cho công dân của mình tất cả các quyền tự do cơ bản nhất!.